

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày: 08-6-2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Dũng.

2. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị Quốc T, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Quang T1, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Dương Thị Quốc T, trình bày: Vào ngày 28 tháng 9 năm 2020, chị có cho anh Đinh Quang T1 vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất là 2%/tháng, việc vay tiền hai bên có làm biên nhận với nhau do chính anh Đinh Quang T1 ghi và ký tên. Từ đó đến nay đã nhiều lần chị yêu cầu anh T1 trả

nợ gốc và nợ lãi, nhưng anh Đinh Quang T1 không trả cho chị được khoản tiền nào. Nay chị yêu cầu anh Đinh Quang T1 trả cho chị số nợ gốc là 40.000.000 đồng, nợ lãi từ ngày 28/9/2020 đến ngày hòa giải 27/4/2023 là 31 tháng theo lãi suất 1,66%/tháng, là 20.500.000 đồng.

- Bị đơn anh Đinh Quang T1 trình bày: Anh có vay của chị T nhiều lần và có trả nhiều lần, đến ngày 28/9/2020 thì anh có ghi biên nhận nợ chị T 40.000.000 đồng. Chị T nói ghi biên nhận như vậy đi, sau này sẽ bớt cho một phần cho anh, vì trong số tiền này đã có lãi trong đó. Chị T cho vay lãi suất là 1.000.000 đồng, thì 01 tháng đóng lãi 60.000 đồng. Do đó, số tiền gốc 40.000.000 đồng như chị T trình bày là có cả tiền gốc và tiền lãi trong đó. Biên nhận ngày 28/9/2020 mà chị T nộp cho Tòa án là do anh ghi và ký tên. Mục đích anh vay tiền của chị T để nuôi cá, do nuôi cá lỗ, đến nay chưa có tiền trả chị T. Nay chị T yêu cầu anh trả gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 31 tháng tính từ ngày 28/9/2020 đến ngày 28/3/2023, lãi suất 1,66%/tháng, số tiền là 20.500.000 đồng, tổng cộng 02 khoản là 60.500.000 đồng, anh chỉ thông nhất trả tiền gốc cho chị T là 30.000.000 đồng, còn lại thì xin. Vì anh không có khả năng trả, nuôi cá lỗ, hiện nay gia đình khó khăn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh T1 trả cho chị T số tiền gốc 40.000.000đ và lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Quốc T yêu cầu bị đơn anh Đinh Quang T1 trả cho chị số nợ gốc 40.000.000 đồng, lãi 20.500.000 đồng là có một phần căn cứ để chấp nhận, vì:

[3] Anh T1 thừa nhận có ghi giấy nợ do chị T cung cấp. Trong văn bản ghi nhận nợ này thể hiện: “*thiếu lay 40000000. 28/9/2020 mượn chị thanh. Bốn chục triệu*”. Như vậy, trong văn bản không thể hiện nội dung tiền gốc, tiền lãi và cộng lại, anh T1 không cung cấp được chứng cứ chứng minh theo khoản 2 Điều 92 BLTTDS nên không có căn cứ để xác định số tiền gốc là 30.000.000 đồng như

anh trình bày. Vì vậy, chấp nhận số tiền vay gốc như chị T trình bày là 40.000.000 đồng, buộc anh T1 phải trả cho chị T.

[4] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, chị T thừa nhận, chị có thống nhất thỏa thuận không tính lãi đến tháng 11 năm 2020. Anh T1 không thừa nhận có thỏa thuận lãi suất. Trong văn bản ghi nợ là số tiền “*mượn*” và không có ghi lãi suất. Xét, bản chất của hợp đồng mượn tài sản là hợp đồng dân sự không có đền bù, tuy nhiên tiền là tài sản tiêu hao nên không phải là đối tượng của hợp đồng mượn tài sản, mà theo thỏa thuận thông thường là trường hợp vay không có lãi. Khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định: “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”. Trong thỏa thuận cũng không ghi rõ thời gian trả nợ nên xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn. Khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự quy định: “Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”. Chị T chưa chứng minh được đã báo trước cho anh T1 trả nợ một thời gian hợp lý. Do đó, không có căn cứ để buộc anh T1 phải trả tiền lãi, nên không chấp nhận yêu cầu tính lãi của chị T.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên là có một phần căn cứ như Hội đồng xét xử đã nhận định nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 BLTTDS, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử lý theo quy định. Anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của chị T được chấp nhận là 2.000.000 đồng. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 1.025.000 đồng, trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 1.560.000 đồng, trả lại cho chị T 535.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, 95, 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Quốc T.

Buộc anh Đinh Quang T1 trả cho chị Dương Thị Quốc T số tiền vay còn nợ là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Anh Đinh Quang T1 phải chịu 2.000.000 (Hai triệu) đồng.

3.2. Chị Dương Thị Quốc T phải chịu 1.025.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.560.000 đồng, theo Biên lai số 0004351 ngày 07 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, trả lại cho chị T 535.000 (Năm trăm ba mươi lăm nghìn) đồng.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Dương sự đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/6/2023).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú